

DANH SÁCH HS - SV CÒN NỢ HỌC PHÍ HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2017-2018
KHOA CN ĐỘNG LỰC (TÍNH ĐẾN HẾT NGÀY 19/05/2018)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	15002477	Vương Quốc	Bảo	11/08/1996	15CĐN-Ô	
2	15002897	Lê Anh	Công	12/10/1997	15CĐ-Ô1	
3	15002493	Bùi Thượng	Lưu	10/10/1997	15CĐ-Ô2	
4	15001987	Phan Hữu	Trí	26/10/1997	15CĐ-Ô2	
5	15003335	Lê Công	Tuấn	29/01/1997	15CĐ-Ô2	
6	15000763	Nguyễn Anh	Tuấn	07/02/1997	15CĐ-Ô2	
7	15000769	Đinh Hữu	Vinh	28/11/1997	15CĐ-Ô2	
8	15000480	Hoàng Dương	Sang	22/02/1995	15CĐ-Ô3	
9	15001043	Trần Phước Chiêu	Linh	26/10/1996	15CĐ-Ô4	
10	15001787	Phạm Cao	Trí	25/04/1996	15CĐ-Ô4	
11	15001195	Ngô Xuân	Lộc	04/11/1997	15CĐ-Ô5	
12	15002785	Bùi Nhật	Tân	10/07/1997	15CĐ-Ô5	
13	15001676	Nguyễn Thanh	Cường	01/07/1996	15CĐ-Ô6	
14	15001521	Nguyễn Minh	Hậu	17/09/1997	15CĐ-Ô6	
15	15002042	Nguyễn Huỳnh	Nam	10/1/1997	15CĐ-Ô6	
16	15001519	Lê Trọng	Nhân	28/02/1997	15CĐ-Ô6	
17	15001703	Lê Minh	Thông	17/09/1997	15CĐ-Ô6	
18	15002187	Mã Thanh	Tùng	04/05/1997	15CĐ-Ô6	
19	15001678	Hoàng Thiên	Ân	13/01/2000	15TCN-Ô1	
20	15000392	Võ Tuấn	Anh	25/03/2000	15TCN-Ô1	
21	15000493	Vương Anh	Bảo	28/07/1999	15TCN-Ô1	
22	15000021	Nguyễn Trần Trung	Hiếu	10/9/1998	15TCN-Ô1	
23	15000353	Trần Dương Khánh	Huy	23/08/2000	15TCN-Ô1	
24	15000775	Phạm Quốc	Khánh	05/01/1999	15TCN-Ô1	
25	15000156	Nguyễn Quang	Nhật	11/11/1998	15TCN-Ô1	
26	15003500	Nguyễn Huỳnh Công	Quyền	10/02/2000	15TCN-Ô1	
27	15000035	Nguyễn Trung	Tín	08/07/2000	15TCN-Ô1	
28	15000196	Nguyễn Gia	Thuận	08/04/2000	15TC-Ô	
29	16003918	Nguyễn Thành	Hiếu	02/4/1997	16CĐ-LTÔTÔ	
30	16003951	Ngô Tấn	Tú	27/11/1992	16CĐ-LTÔTÔ	
31	16001037	Trần Văn	Bình	27/06/1997	16CĐN-Ô1	
32	16001466	Trần Toàn	Định	25/04/1997	16CĐN-Ô1	
33	16001246	Nguyễn Quang	Khang	20/07/1998	16CĐN-Ô1	
34	16003159	Cao Văn	Bình	03/06/1998	16CĐN-Ô2	
35	16003891	Phạm Quang	Chương	23/09/1996	16CĐN-Ô2	
36	16000178	Nguyễn Đức	Duy	08/03/1997	16CĐN-Ô2	
37	16003679	Nguyễn Huỳnh	Tài	05/11/1996	16CĐN-Ô2	
38	16002763	Nguyễn Hoàng Thanh	Tâm	12/01/1998	16CĐN-Ô2	
39	16003776	Phạm Ngọc	Thiện	02/06/1998	16CĐN-Ô2	
40	16000735	Huỳnh Tấn	Định	09/09/1998	16CĐ-Ô1	Môn GDQP
41	16000789	Nguyễn Thanh	Khang	11/08/1998	16CĐ-Ô1	Môn GDQP

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
42	16000778	Trần Đức Nhật	Linh	28/03/1998	16CĐ-Ô1	Môn GDQP
43	16000703	Nguyễn Minh	Bình	21/02/1998	16CĐ-Ô1	
44	16001302	Trần Minh	Dũng	20/01/1998	16CĐ-Ô1	
45	16000780	Nguyễn Duy	Lâm	16/01/1998	16CĐ-Ô1	
46	16000710	Lê Phương	Nam	20/04/1998	16CĐ-Ô1	
47	16000739	Ngô Thanh	Nguyên	22/12/1998	16CĐ-Ô1	
48	16000328	Nguyễn Thanh	Phong	10/06/1997	16CĐ-Ô1	
49	16000884	Doãn Đức Thiên	Phúc	26/05/1998	16CĐ-Ô10	Môn GDQP
50	16000922	Nguyễn Đức	Thái	30/09/1998	16CĐ-Ô10	Môn GDQP
51	16000814	Trịnh Thống	Định	02/01/1998	16CĐ-Ô10	
52	16000855	Trần Trọng	Đức	28/10/1997	16CĐ-Ô10	
53	16000910	Nguyễn Thành	Luân	23/12/1998	16CĐ-Ô10	
54	16000881	Ngô Trục	Nhân	03/07/1998	16CĐ-Ô10	
55	16000864	Trần Vũ Trọng	Thoại	09/11/1998	16CĐ-Ô10	
56	16001005	Đặng Thanh	Duy	03/08/1998	16CĐ-Ô11	
57	16001017	Đỗ Minh	Hải	10/05/1995	16CĐ-Ô11	
58	16001055	Cao Hoàng	Khương	14/11/1998	16CĐ-Ô11	
59	16001030	Nguyễn Văn	Nhân	29/11/1998	16CĐ-Ô11	
60	16001035	Nguyễn Quốc	Nhật	11/01/1997	16CĐ-Ô11	
61	16001008	Trần Xuân	Tín	21/10/1998	16CĐ-Ô11	
62	16001112	Phan Nguyễn Thanh	Phương	19/11/1998	16CĐ-Ô12	
63	16001167	Tăng Duy	Tính	09/02/1997	16CĐ-Ô12	
64	16001294	Phạm Quốc	Trung	01/01/1997	16CĐ-Ô12	
65	16001426	Trần Công Hải	Đặng	28/10/1998	16CĐ-Ô2	Môn GDQP
66	16001259	Nguyễn Thành	Hậu	23/04/1998	16CĐ-Ô2	Môn GDQP
67	16001455	Phạm Ngọc	Hoàng	10/08/1998	16CĐ-Ô2	Môn GDQP
68	16001332	Võ Hồ Chí	Trung	18/12/1996	16CĐ-Ô2	Môn GDQP
69	16001487	Nguyễn	Luân	22/12/1995	16CĐ-Ô2	
70	16003569	Nguyễn Văn	Tiến	10/02/1998	16CĐ-Ô2	
71	16001452	Nguyễn Hải	Triều	28/05/1998	16CĐ-Ô2	
72	16001370	Nguyễn Lê Chánh	Truyền	29/08/1998	16CĐ-Ô2	
73	16001626	Lê Minh	Dương	25/08/1998	16CĐ-Ô3	
74	16001490	Nguyễn Nhật	Duy	02/12/1998	16CĐ-Ô3	
75	16003527	Nguyễn Trọng	Hiếu	16/06/1997	16CĐ-Ô3	
76	16001586	Trần Triều	Tân	05/05/1998	16CĐ-Ô3	
77	16001620	Đinh Hoàng Anh	Tuấn	19/08/1998	16CĐ-Ô3	
78	16001710	Lê Quang	Huy	08/11/1998	16CĐ-Ô4	
79	16001693	Phạm Duy	Tân	17/09/1997	16CĐ-Ô4	
80	16001833	Phạm Văn	Tường	25/08/1997	16CĐ-Ô4	
81	16001938	Đoàn Ngọc	Thiện	30/09/1998	16CĐ-Ô5	Môn GDQP
82	16003266	Nguyễn Đức	Dương	17/09/1998	16CĐ-Ô5	
83	16001995	Nguyễn	Duy	20/04/1998	16CĐ-Ô5	
84	16001960	Phan Hoàng	Hiệp	16/10/1998	16CĐ-Ô5	
85	16001925	Nguyễn Văn	Hoàng	04/08/1998	16CĐ-Ô5	
86	16001958	Trà Thanh	Lam	05/09/1997	16CĐ-Ô5	
87	16001955	Nguyễn Phúc	Thiện	03/09/1997	16CĐ-Ô5	
88	16001881	Nguyễn Thanh	Tùng	06/07/1998	16CĐ-Ô5	
89	16002252	Đoàn Thế	Khải	17/08/1996	16CĐ-Ô6	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
90	16002109	Đình Hải	Minh	20/10/1996	16CĐ-Ô6	
91	16002126	Nguyễn Công	Minh	23/05/1998	16CĐ-Ô6	
92	16002356	Nguyễn Quyền Yên	Nhi	20/10/1997	16CĐ-Ô6	
93	16002133	Hồ Đình Minh	Trí	14/05/1998	16CĐ-Ô6	
94	16002166	Nguyễn Thanh	Trúc	23/09/1998	16CĐ-Ô6	
95	16002506	Cao Văn	Dương	04/09/1997	16CĐ-Ô7	
96	16002404	Nguyễn Lê	Huy	24/12/1998	16CĐ-Ô7	
97	16002367	Lê Xuân	Huỳnh	10/01/1998	16CĐ-Ô7	
98	16002441	Nguyễn Văn	Lũy	11/10/1997	16CĐ-Ô7	
99	16002559	Nguyễn Hoàng	Trí	15/04/1998	16CĐ-Ô7	
100	16002359	Nguyễn Hữu	Trí	20/02/1996	16CĐ-Ô7	
101	16002627	Vũ Nguyễn Trường	Chinh	27/08/1998	16CĐ-Ô8	Môn GDQP
102	16002669	Lương Thanh	Diêm	28/07/1998	16CĐ-Ô8	
103	16002639	Lê Văn	Duy	13/05/1998	16CĐ-Ô8	
104	16002622	Trần Bá	Hoàn	13/11/1998	16CĐ-Ô8	
105	16001296	Lương Quang	Phong	10/06/1998	16CĐ-Ô8	
106	16002651	Trần Quốc	Thanh	06/02/1998	16CĐ-Ô8	
107	16002591	Nguyễn Ngọc	Tiên	30/03/1998	16CĐ-Ô8	
108	16002789	Nguyễn Tấn	Tiến	07/08/1998	16CĐ-Ô8	
109	16002616	Trần Ngọc	Toàn	15/08/1998	16CĐ-Ô8	
110	16002804	Nguyễn Xuân	Tùng	19/04/1996	16CĐ-Ô8	
111	16001347	Hồ Minh	Thừa	1996	16CĐ-Ô9	Môn GDQP
112	15001925	Huỳnh Quốc	Bửu	11/09/1995	16CĐ-Ô9	
113	16003076	Đình Tiến	Đạt	18/07/1998	16CĐ-Ô9	
114	16002931	Võ Anh	Hào	27/09/1997	16CĐ-Ô9	
115	16003113	Đỗ Thanh	Hiên	16/07/1998	16CĐ-Ô9	
116	16003009	Phạm Phi	Long	27/12/1998	16CĐ-Ô9	
117	16003053	Đặng Phúc	Nguyên	08/06/1995	16CĐ-Ô9	
118	16002947	Huỳnh Quốc	Nhân	05/02/1998	16CĐ-Ô9	
119	16002872	Nguyễn Hoài	Phong	13/05/1998	16CĐ-Ô9	
120	16001233	Nguyễn Trung	Thành	04/07/1998	16CĐ-Ô9	
121	16003045	Nguyễn Thanh	Trung	26/07/1997	16CĐ-Ô9	
122	16000109	Lê Tuấn	Anh	01/10/2001	16TCN-Ô1	
123	16000175	Trần Nguyễn Việt	Đức	10/07/2001	16TCN-Ô1	
124	16000262	Hoàng Phúc	Lâm	27/10/2001	16TCN-Ô1	
125	16000230	Nguyễn Thành	Lộc	27/01/2001	16TCN-Ô1	
126	16000125	Trịnh Đình	Nhu	11/06/2001	16TCN-Ô1	
127	16001062	Đỗ Quang	Sang	30/07/2000	16TCN-Ô1	
128	16000216	Lê Văn	Sỹ	28/12/2000	16TCN-Ô1	
129	16000222	Lê Bá	Thanh	05/07/2001	16TCN-Ô1	
130	16000557	Trịnh Gia	Kiên	24/03/2001	16TCN-Ô2	
131	16001016	Bùi Đức	Thuận	21/01/2000	16TCN-Ô2	
132	16000079	Nguyễn Trần Vĩnh	Thụy	07/03/2001	16TCN-Ô2	
133	16000070	Kim Minh	Trí	22/12/2001	16TCN-Ô2	
134	16003865	Nguyễn Thanh	Trung	22/01/2000	16TCN-Ô2	
135	16003705	Trương Vị	Trung	14/05/1999	16TCN-Ô2	
136	16000451	Ngô Phi Anh	Tuấn	27/03/2001	16TCN-Ô2	
137	16000206	Nguyễn Thanh	Tùng	26/08/2001	16TCN-Ô2	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
138	16003548	Lưu Nguyễn Anh	Bảo	08/06/2000	16TC-Ô1	
139	16003430	Phan Quốc	Cường	12/11/1999	16TC-Ô1	
140	16003015	Nguyễn Ngọc	Đông	14/11/1998	16TC-Ô1	
141	16000553	Trần Anh	Dũng	05/06/2001	16TC-Ô1	
142	16002127	Phùng	Hưng	11/02/2001	16TC-Ô1	
143	16001800	Đặng Nguyễn Khánh	Huy	22/02/2001	16TC-Ô1	
144	16003447	Phạm Trần Minh	Huy	08/11/2001	16TC-Ô1	
145	16001992	Huỳnh Phan Thanh	Khiết	04/11/1999	16TC-Ô1	
146	16000276	Bùi Phan Đăng	Khoa	17/07/2001	16TC-Ô1	
147	16003802	Đinh Chí	Kiệt	10/08/2001	16TC-Ô1	
148	16000754	Võ Đình	Lịch	01/01/2000	16TC-Ô1	
149	16003750	Nguyễn Ngọc Kim	Linh	03/12/2000	16TC-Ô1	
150	16000237	Phan Tấn	Mẫn	29/07/2000	16TC-Ô1	
151	16000413	Nguyễn Nhật	Nam	29/11/2001	16TC-Ô1	
152	16000383	Trần Hoàng Kim	Ngân	06/08/2001	16TC-Ô1	
153	16000915	Hoàng Anh	Nghĩa	17/08/2001	16TC-Ô1	
154	16003524	Huỳnh Thanh	Nhân	22/11/1991	16TC-Ô1	
155	16000290	Nguyễn Thành	Nhân	23/02/2001	16TC-Ô1	
156	16003061	Đoàn Chung	Phi	20/03/2001	16TC-Ô1	
157	16003248	Lê Nguyễn Minh	Phong	29/01/2001	16TC-Ô1	
158	16003039	Huỳnh Thanh	Phước	10/10/1999	16TC-Ô1	
159	16000147	Phạm Hoài	Phương	15/07/1999	16TC-Ô1	
160	16000488	Võ Thái	Quốc	30/01/2001	16TC-Ô1	
161	16001738	Nguyễn Thanh	Quý	26/07/2001	16TC-Ô1	
162	16002185	Trần Thanh	Sang	21/05/2001	16TC-Ô1	
163	16000022	Đào	Tài	25/01/1996	16TC-Ô1	
164	16000427	Nguyễn Thắng Minh	Tâm	13/09/2001	16TC-Ô1	
165	16003059	Trương Công	Thành	20/03/1998	16TC-Ô1	
166	16000603	Lý Vũ Hoàng	Thông	08/09/2000	16TC-Ô1	
167	16003482	Nguyễn Văn	Toàn	06/08/1999	16TC-Ô1	
168	16000130	Hứa Văn	Vũ	18/02/2001	16TC-Ô1	
169	16000504	Phan Thanh	Xuân	12/02/2001	16TC-Ô1	
170	16003500	Lữ Tuấn	Hào	24/12/1998	16TCT-Ô1	ôn thi
171	16003653	Nguyễn Anh	Hào	08/12/1996	16TCT-Ô1	ôn thi
172	16002753	Nguyễn Đình	Khánh	17/09/1998	16TCT-Ô1	
173	16001137	Dương Xuân	Thắng	05/07/1996	16TCT-Ô1	
174	16003540	Phan Văn	Công	23/03/1997	16TCT-Ô2	ôn thi
175	16002729	Trần Dậu	Phát	04/07/1998	16TCT-Ô2	
176	16003573	Quảng Hoàng Mạnh	Tuấn	22/02/1995	16TN-Ô	
177	17000801	Dư Quốc	Bảo	25/06/1999	17C1-CNÔ1	
178	17000440	Bùi Phan Minh	Duy	10/12/1996	17C1-CNÔ1	
179	17000717	Trần Hoàng	Nguyên	06/08/1997	17C1-CNÔ1	
180	17004089	Trương Thành	Phát	18/04/1999	17C1-CNÔ1	
181	17000783	Phan Văn	Tính	27/03/1998	17C1-CNÔ1	
182	17002038	Nguyễn Thành	Đạt	11/10/1999	17C1-CNÔ10	
183	17002114	Lê Văn	Dự	12/10/1999	17C1-CNÔ10	
184	17001932	Đinh Công	Duy	22/04/1999	17C1-CNÔ10	
185	17002008	Nguyễn Nhật	Hòa	15/05/1999	17C1-CNÔ10	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
186	17002010	Châu Đức	Hùng	18/07/1999	17C1-CNÔ10	
187	17002033	Ngô Hoàng	Huy	13/06/1998	17C1-CNÔ10	
188	17002015	Võ Quốc	Huy	29/06/1999	17C1-CNÔ10	
189	17001919	Nguyễn Hùng	Khanh	24/08/1997	17C1-CNÔ10	
190	17001988	Trịnh Thanh	Long	09/12/1996	17C1-CNÔ10	
191	17002060	Trần Văn	Nguyên	28/12/1999	17C1-CNÔ10	
192	17001939	Đặng Hữu	Phát	07/02/1999	17C1-CNÔ10	
193	17002097	Trần Anh	Toàn	05/08/1999	17C1-CNÔ10	
194	17002390	.	ANích	02/02/1999	17C1-CNÔ11	
195	17002374	Nguyễn Thành	Đạt	17/01/1998	17C1-CNÔ11	
196	17002279	Nguyễn Văn Minh	Hiếu	25/05/1998	17C1-CNÔ11	
197	17002309	Trần Việt	Hưng	10/05/1999	17C1-CNÔ11	
198	17002258	Lê Quốc	Khánh	11/03/1998	17C1-CNÔ11	
199	17002415	Nguyễn Thành	Nhân	23/02/1998	17C1-CNÔ11	
200	17002257	Nguyễn Thành	Quang	16/01/1998	17C1-CNÔ11	
201	17002242	Nguyễn Minh	Thiện	28/11/1999	17C1-CNÔ11	
202	17002445	Phùng Thanh	Thiện	19/01/1999	17C1-CNÔ11	
203	17002223	Trần Minh	Thuận	15/03/1999	17C1-CNÔ11	
204	17002447	Nguyễn Huy	Tính	23/01/1999	17C1-CNÔ11	
205	17002359	Lê Văn	Toàn	28/07/1999	17C1-CNÔ11	
206	17002798	Ngô Văn Ngọc	Anh	28/02/1999	17C1-CNÔ12	
207	17002711	Nguyễn Minh	Bảo	23/09/1999	17C1-CNÔ12	
208	17002492	Huỳnh Tấn	Đô	25/06/1998	17C1-CNÔ12	
209	17002712	Đào Anh	Hào	25/02/1998	17C1-CNÔ12	
210	17002713	Võ Trung	Hiếu	05/11/1999	17C1-CNÔ12	
211	17002506	Ngô Nguyễn Hoài	Nam	19/10/1999	17C1-CNÔ12	
212	17002619	Hồ Cảnh	Phong	19/06/1999	17C1-CNÔ12	
213	17002553	Từ Trọng	Trung	04/03/1999	17C1-CNÔ12	
214	17002605	Nguyễn Mạnh	Tường	05/10/1999	17C1-CNÔ12	
215	17003129	Nguyễn Thành	Đức	20/11/1998	17C1-CNÔ13	
216	17003223	Phạm Hoàn	Giang	24/09/1999	17C1-CNÔ13	
217	17003282	Nguyễn Minh	Hậu	27/12/1996	17C1-CNÔ13	
218	17003141	Hồng Hoàng	Hoa	12/05/1999	17C1-CNÔ13	
219	17003850	Nguyễn Thành	Lộc	03/02/1996	17C1-CNÔ13	
220	17003123	Nguyễn Thành	Lực	20/07/1999	17C1-CNÔ13	
221	17003104	Dương Thanh	Sơn	10/12/1994	17C1-CNÔ13	
222	17002902	Phùng Quốc	Trí	15/06/1999	17C1-CNÔ13	
223	17003146	Đỗ Minh	Tuấn	16/07/1997	17C1-CNÔ13	
224	17003079	Phạm	Tuấn	30/12/1999	17C1-CNÔ13	
225	17003793	Trần Xuân	Bách	16/11/1999	17C1-CNÔ14	
226	17003646	Nguyễn Đức	Bảo	25/09/1999	17C1-CNÔ14	
227	17003540	Trương Lê Chí	Bảo	02/01/1999	17C1-CNÔ14	
228	17003596	Nguyễn Văn Thành	Công	29/12/1999	17C1-CNÔ14	
229	17003496	Phạm Trần Quang	Đại	06/10/1999	17C1-CNÔ14	
230	17003501	Trần Hồng	Giang	28/01/1999	17C1-CNÔ14	
231	17003531	Trần Phan Trung	Hiếu	23/09/1999	17C1-CNÔ14	
232	17003524	Đặng Văn	Hoàng	21/03/1999	17C1-CNÔ14	
233	17003803	Nguyễn Văn	Khương	02/02/1999	17C1-CNÔ14	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
234	17003351	Trần Tuấn	Kiệt	06/07/1999	17C1-CNÔ14	
235	17003471	Trần Tấn	Lợi	20/10/1999	17C1-CNÔ14	
236	17003462	Nguyễn Phương	Nam	19/07/1999	17C1-CNÔ14	
237	17003640	Phạm Hoàng	Nam	19/04/1998	17C1-CNÔ14	
238	17003641	Huỳnh Hữu Nhất	Nhân	20/02/1999	17C1-CNÔ14	
239	17003711	Trần Huỳnh Minh	Phước	02/06/1999	17C1-CNÔ14	
240	17003333	Ngô Văn	Tánh	25/05/1999	17C1-CNÔ14	
241	17001828	Mai Trung	Thiện	01/01/1999	17C1-CNÔ14	
242	17003417	Nguyễn Minh	Thường	20/08/1999	17C1-CNÔ14	
243	17003558	Nguyễn Minh	Trí	20/09/1996	17C1-CNÔ14	
244	17003717	Nguyễn Đình	Trọng	03/07/1999	17C1-CNÔ14	
245	17003603	Mai Thanh	Tuấn	11/08/1997	17C1-CNÔ14	
246	17003308	Ngô Mai Hoàng	Tuấn	27/08/1998	17C1-CNÔ14	
247	17003740	Nguyễn Thanh	Tuấn	16/11/1999	17C1-CNÔ14	
248	17004014	Mai Anh	Đức	22/09/1998	17C1-CNÔ15	
249	17004199	Đặng Bảo	Duy	05/01/1998	17C1-CNÔ15	
250	17003943	Đinh Trọng	Hữu	26/01/1999	17C1-CNÔ15	
251	17002867	Ngô Văn Trọng	Hữu	10/08/1999	17C1-CNÔ15	
252	17004186	Lý Nhựt	Khoa	26/11/1997	17C1-CNÔ15	
253	17003871	Nguyễn Ngọc	Khoa	13/05/1999	17C1-CNÔ15	
254	17003939	Phan Trần Đăng	Khoa	31/12/1997	17C1-CNÔ15	
255	17004182	Trần Khánh	Luân	25/11/1998	17C1-CNÔ15	
256	17003947	Lê Thế	Ngọc	26/06/1999	17C1-CNÔ15	
257	17003887	Ngô Tấn	Phát	06/07/1999	17C1-CNÔ15	
258	17004245	Trần Đình	Sang	09/06/1998	17C1-CNÔ15	
259	17004227	Đặng Thanh	Tân	18/10/1997	17C1-CNÔ15	
260	17004190	Huỳnh Minh	Tân	23/07/1999	17C1-CNÔ15	
261	17003936	Lã Đình	Thanh	30/11/1999	17C1-CNÔ15	
262	17004282	Châu	Thành	26/10/1999	17C1-CNÔ15	
263	17004222	Phan Văn	Tiếp	25/07/1998	17C1-CNÔ15	
264	17004096	Cao Quốc	Việt	06/12/1999	17C1-CNÔ15	
265	17003918	Nguyễn Trường	Vinh	03/03/1999	17C1-CNÔ15	
266	17003937	Từ Ngọc	Vũ	21/07/1999	17C1-CNÔ15	
267	17003872	Lương Bá	Vương	12/10/1999	17C1-CNÔ15	
268	17004569	Lê Hoàng Nhật	Anh	08/10/1998	17C1-CNÔ16	
269	17004813	Nguyễn Thạch Viết	Chánh	27/05/1999	17C1-CNÔ16	
270	17004770	Bùi Mạnh	Cường	08/12/1995	17C1-CNÔ16	
271	17004542	Hồ Quốc	Đại	25/03/1997	17C1-CNÔ16	
272	17004779	Vũ Quốc	Đạt	15/05/1991	17C1-CNÔ16	
273	17004369	Nguyễn My	Đô	08/01/1998	17C1-CNÔ16	
274	17003734	Nguyễn Hoài Khương	Duy	20/07/1997	17C1-CNÔ16	
275	17004477	Đỗ Văn	Giàu	21/05/1998	17C1-CNÔ16	
276	17004120	Đoàn Trung	Hiếu	10/02/1997	17C1-CNÔ16	
277	17004629	Nguyễn Chương	Hiếu	23/05/1999	17C1-CNÔ16	
278	17004579	Nguyễn Thành	Hiếu	13/01/1998	17C1-CNÔ16	
279	17004339	Nguyễn Văn	Hòa	15/05/1999	17C1-CNÔ16	
280	17004443	Nguyễn Quang	Huy	23/07/1999	17C1-CNÔ16	
281	16000971	Nguyễn Quang	Khải	14/01/1998	17C1-CNÔ16	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
282	17004591	Nguyễn Hoàng	Khang	05/08/1997	17C1-CNÔ16	
283	17004132	Trần Hoàng	Khang	31/10/1999	17C1-CNÔ16	
284	17004659	Lý Tuấn	Kiệt	05/08/1999	17C1-CNÔ16	
285	17002940	Lê Hải	Nam	19/12/1999	17C1-CNÔ16	
286	17004326	Hoàng Văn	Nguyên	24/05/1998	17C1-CNÔ16	
287	17004440	Nguyễn Thy	Nhân	05/06/1998	17C1-CNÔ16	
288	17004583	Lương Minh Quốc	Oai	06/05/1992	17C1-CNÔ16	
289	17004589	Trần Hoài	Phong	16/03/1999	17C1-CNÔ16	
290	17004508	Nguyễn Thành	Quang	20/04/1999	17C1-CNÔ16	
291	17000923	Phạm Hoàng	Sơn	19/04/1999	17C1-CNÔ16	
292	17004560	Phạm Nghĩa	Trọng	18/04/1995	17C1-CNÔ16	
293	17004237	Nguyễn Văn	Trung	02/12/1998	17C1-CNÔ16	
294	17004662	Trương Anh	Tú	17/11/1997	17C1-CNÔ16	
295	17000893	Lê Khánh	An	02/09/1999	17C1-CNÔ2	
296	17000960	Nguyễn Trường	An	12/02/1999	17C1-CNÔ2	
297	17000953	Huỳnh Gia	Đức	29/01/1999	17C1-CNÔ2	
298	17000891	Trần Minh	Hiếu	01/10/1999	17C1-CNÔ2	
299	17000974	Nguyễn Hữu	Khải	05/05/1999	17C1-CNÔ2	
300	17000957	Nguyễn Hữu	Mạnh	26/08/1999	17C1-CNÔ2	
301	17000850	Nguyễn Văn	Mộc	27/05/1999	17C1-CNÔ2	
302	17000877	Trần Tấn	Ngọc	10/05/1998	17C1-CNÔ2	
303	17000943	Trần Trung	Trực	12/10/1996	17C1-CNÔ2	
304	17000849	Nguyễn Minh	Trung	21/02/1998	17C1-CNÔ2	
305	17000843	Nguyễn Minh	Trường	24/03/1999	17C1-CNÔ2	
306	17001037	Võ Sơn	Ca	08/05/1998	17C1-CNÔ3	
307	17001010	Nguyễn Phước	Duyên	05/09/1999	17C1-CNÔ3	
308	17001064	Phan Tấn	Lộc	29/07/1999	17C1-CNÔ3	
309	17001071	Nguyễn Cao	Thắng	05/08/1999	17C1-CNÔ3	
310	17001095	Vũ Đức	Anh	19/10/1999	17C1-CNÔ4	
311	17001147	Võ Minh	Đạt	22/12/1998	17C1-CNÔ4	
312	17001142	Nguyễn Tấn	Đức	02/06/1997	17C1-CNÔ4	
313	17001198	Nguyễn Huy	Hòa	19/06/1999	17C1-CNÔ4	
314	17001099	Vi Trọng	Nghĩa	13/10/1998	17C1-CNÔ4	
315	17001091	Trần Huy	Phương	20/04/1999	17C1-CNÔ4	
316	17001186	Trần Thanh	Phương	06/03/1999	17C1-CNÔ4	
317	17001097	Nguyễn Hoàng Nhật	Tân	03/10/1999	17C1-CNÔ4	
318	17001157	Nguyễn Chí	Thiện	18/01/1999	17C1-CNÔ4	
319	17001194	Lâm Minh	Tiến	19/01/1999	17C1-CNÔ4	
320	17001238	Đoàn Hải	Đăng	26/10/1999	17C1-CNÔ5	
321	17001216	Nguyễn Thành	Danh	19/04/1999	17C1-CNÔ5	
322	17001258	Phạm Ngọc Đại	Dương	31/01/1999	17C1-CNÔ5	
323	17001235	Trần Quang	Hà	16/10/1998	17C1-CNÔ5	
324	17001221	Trần Trọng	Khang	02/02/1999	17C1-CNÔ5	
325	17001303	Nguyễn Đăng	Mạnh	18/06/1999	17C1-CNÔ5	
326	17001227	Hồ Tấn	Phát	30/07/1999	17C1-CNÔ5	
327	17001229	Trương Đình Phú	Quý	13/04/1996	17C1-CNÔ5	
328	17001266	Phạm Minh	Tiến	09/08/1999	17C1-CNÔ5	
329	17001270	Bùi Quốc	Trung	21/06/1999	17C1-CNÔ5	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
330	17001305	Bùi Ngọc	Tuân	08/08/1999	17C1-CNÔ5	
331	17001236	Hoàng Đức	Tùng	30/11/1999	17C1-CNÔ5	
332	17001252	Phùng Võ Ngọc	Tường	27/10/1998	17C1-CNÔ5	
333	17001317	Ngô Thanh	Vân	04/01/1999	17C1-CNÔ5	
334	17001349	Nguyễn Quốc	Bảo	11/11/1999	17C1-CNÔ6	
335	17001423	Doãn Ngọc	Dương	05/01/1999	17C1-CNÔ6	
336	17001370	Nguyễn Ngọc	Hải	19/07/1999	17C1-CNÔ6	
337	17001448	Đinh Đăng	Khoa	16/04/1999	17C1-CNÔ6	
338	17001342	Nguyễn Công	Nam	17/04/1999	17C1-CNÔ6	
339	17001386	Trần Minh	Nhân	23/03/1998	17C1-CNÔ6	
340	17001330	Trương Gia	Phát	01/11/1999	17C1-CNÔ6	
341	17001415	Chu Đình	Triều	28/03/1998	17C1-CNÔ6	
342	17001346	Nguyễn Khang	Vĩ	24/05/1999	17C1-CNÔ6	
343	17001527	Nguyễn Hoàng	Cơ	15/06/1999	17C1-CNÔ7	
344	17001535	Hoàng Gia	Hiếu	16/01/1999	17C1-CNÔ7	
345	17001467	Nguyễn Huy	Hoàng	15/11/1999	17C1-CNÔ7	
346	17001512	Phan Gia	Nghĩa	27/05/1999	17C1-CNÔ7	
347	17001531	Phạm Hoàng	Sang	29/08/1999	17C1-CNÔ7	
348	17000995	Lê Hoàng Thiện	Trí	16/06/1999	17C1-CNÔ7	
349	17001523	Phạm Hoàng	Tuấn	01/07/1999	17C1-CNÔ7	
350	17001575	Lê Thành	Nghĩa	24/06/1998	17C1-CNÔ8	
351	17001600	Phạm Thành	Phú	31/01/1999	17C1-CNÔ8	
352	17001650	Lê Hữu	Phước	15/10/1999	17C1-CNÔ8	
353	17001619	Trần Thái	Thiện	05/05/1999	17C1-CNÔ8	
354	17001611	Hồ Mạnh	Tiền	01/07/1999	17C1-CNÔ8	
355	17001662	Nguyễn Nhật	Trường	12/11/1998	17C1-CNÔ8	
356	17001570	Thái Anh	Tú	10/06/1999	17C1-CNÔ8	
357	17001682	Võ Trường	An	14/06/1999	17C1-CNÔ9	
358	17001683	Nguyễn Đức	Chí	27/01/1999	17C1-CNÔ9	
359	17001778	Hoàng Văn	Độ	12/05/1999	17C1-CNÔ9	
360	17002152	Đặng Tự	Lập	14/10/1999	17C1-CNÔ9	
361	17001705	Lê Thành	Lộc	06/03/1999	17C1-CNÔ9	
362	17001749	Lê Minh	Luân	01/10/1999	17C1-CNÔ9	
363	17001805	Võ Thành	Luân	30/12/1999	17C1-CNÔ9	
364	17001801	Lê Hữu	Nhân	09/07/1999	17C1-CNÔ9	
365	17001712	Trương Anh	Tâm	24/07/1999	17C1-CNÔ9	
366	17001764	Lê Văn	Thành	19/08/1999	17C1-CNÔ9	
367	17001814	Phạm Hữu	Thọ	02/07/1999	17C1-CNÔ9	
368	17001782	Nguyễn Minh	Trí	27/09/1997	17C1-CNÔ9	
369	17001841	Cao Đình	Văn	22/08/1999	17C1-CNÔ9	
370	17001859	Nguyễn Tuấn	Vũ	10/05/1999	17C1-CNÔ9	
371	17004923	Nguyễn Văn	Đông	31/01/1982	17C2-CNÔ1	
372	17004949	Phạm Tiến	Dũng	10/3/1993	17C2-CNÔ1	
373	17004902	Phạm Minh	Dương	19/01/1992	17C2-CNÔ1	
374	17004903	Bùi Đức	Hạnh	15/11/1993	17C2-CNÔ1	
375	17004874	Trần Văn	Hướng	23/10/1996	17C2-CNÔ1	
376	17004935	Trần Duy	Khánh	12/12/1994	17C2-CNÔ1	
377	17004943	Nguyễn	Là	15/5/1997	17C2-CNÔ1	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
378	17004925	Nguyễn Tấn	Lê	11/11/1986	17C2-CNÔ1	
379	17004897	Nguyễn Hữu	Lộc	03/02/1988	17C2-CNÔ1	
380	17004914	Hà Văn	Nam	31/8/1996	17C2-CNÔ1	
381	17004920	Nguyễn Phương	Nam	07/7/1997	17C2-CNÔ1	
382	17004904	Trần Ngọc	Nhút	18/4/1994	17C2-CNÔ1	
383	17004901	Nguyễn Thanh	Phong	15/5/1994	17C2-CNÔ1	
384	17004939	Đỗ Minh	Phú	09/02/1995	17C2-CNÔ1	
385	17004872	Mạnh Xuân	Quý	20/9/1993	17C2-CNÔ1	
386	17004908	Nguyễn Đình	Thái	11/5/1998	17C2-CNÔ1	
387	17004953	Ngô Đăng Duy	Thanh	05/9/1996	17C2-CNÔ1	
388	17004952	Nguyễn Thành	Thủ	01/01/1987	17C2-CNÔ1	
389	17004910	Hoàng Minh	Tú	07/6/1987	17C2-CNÔ1	
390	17004912	Kiều Xuân	Tú	14/4/1990	17C2-CNÔ1	
391	17004891	Nguyễn Quang	Tuấn	15/6/1992	17C2-CNÔ1	
392	17004691	Nguyễn Thành	Đạt	10/08/2000	17T4-CNÔ1	
393	17000123	Nguyễn Thanh	Hùng	2/10/2002	17T4-CNÔ1	
394	17000178	Nguyễn Gia	Huy	31/7/2002	17T4-CNÔ1	
395	17000193	Nguyễn Phan Hoàng	Phúc	3/9/2001	17T4-CNÔ1	
396	17000154	Nguyễn Hữu	Phước	3/10/2002	17T4-CNÔ1	
397	17000072	Nguyễn Cao	Tài	21/8/2002	17T4-CNÔ1	
398	17000751	Nguyễn Hoàng Thái	Anh	21/08/2002	17T4-CNÔ2	
399	17000401	Nguyễn Xuân Gia	Bảo	21/04/2002	17T4-CNÔ2	
400	17000447	Nguyễn Huy	Hoàng	17/8/2002	17T4-CNÔ2	
401	17000296	Trần Công	Khanh	28/06/2002	17T4-CNÔ2	
402	17000295	Trần Anh	Kiệt	21/07/2001	17T4-CNÔ2	
403	17000231	Phan Trung Hiếu	Nghĩa	28/11/2002	17T4-CNÔ2	
404	17000221	Nguyễn Hoàng	Phúc	18/10/2000	17T4-CNÔ2	
405	17000417	Nguyễn Hữu	Quốc	06/12/2002	17T4-CNÔ2	
406	17000399	Nguyễn Văn	Thiện	23/9/2002	17T4-CNÔ2	
407	17000273	Tôn Thất	Thông	24/01/2002	17T4-CNÔ2	
408	17002919	Trần Đặng Nguyên	Thuần	06/03/2001	17T4-CNÔ2	
409	17000219	Lâm Thanh	Tiền	14/3/2002	17T4-CNÔ2	
410	17000371	Nguyễn Trung	Tín	27/7/2001	17T4-CNÔ2	
411	17000462	Huỳnh Lâm Nghiệp	Trí	28/11/1993	17T4-CNÔ2	
412	17000407	Lê Thanh	Tùng	20/12/2002	17T4-CNÔ2	
413	17000364	Nguyễn Thành	Ý	31/07/2001	17T4-CNÔ2	
414	17000744	Trần Thanh	Bảo	20/05/2000	17T4-CNÔ3	
415	17000541	Lào Chấn	Cường	21/08/2002	17T4-CNÔ3	
416	17000665	Hồ Nhật	Đan	29/06/2002	17T4-CNÔ3	
417	17003022	Nguyễn Hoàng Anh	Duy	26/06/2002	17T4-CNÔ3	
418	17004665	Huỳnh Ngọc	Hải	05/10/1999	17T4-CNÔ3	
419	17000798	Nguyễn Quốc	Hưng	02/09/2002	17T4-CNÔ3	
420	17000479	Nguyễn Thành	Huy	20/09/2000	17T4-CNÔ3	
421	17000880	Hoàng Đình Anh	Khoa	04/10/2001	17T4-CNÔ3	
422	17000516	Lê Thái	Khôi	28/01/1999	17T4-CNÔ3	
423	17000556	Trần Minh	Nhật	11/09/2002	17T4-CNÔ3	
424	17000549	Cún Thế	Phát	03/07/2002	17T4-CNÔ3	
425	17000895	Lâm Minh	Quân	31/07/2002	17T4-CNÔ3	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
426	17000687	Thái Nguyễn Đình	Tấn	24/01/2002	17T4-CNÔ3	
427	17000868	Đỗ Nguyễn Công	Thành	30/10/2002	17T4-CNÔ3	
428	17002047	Trần Văn	Trường	06/11/2001	17T4-CNÔ3	
429	17000678	Nguyễn Văn	Tuấn	04/08/2002	17T4-CNÔ3	
430	17000626	Nguyễn Phúc	Vinh	14/10/2002	17T4-CNÔ3	
431	17001493	Ngô Văn	Vỹ	08/08/2002	17T4-CNÔ3	
432	17004315	Đỗ Thành Tuấn	Anh	01/05/1998	17T4-CNÔ4	
433	17000940	Võ Đức	Anh	11/05/2002	17T4-CNÔ4	
434	17001136	Nguyễn Hoàng	Bảo	25/08/2001	17T4-CNÔ4	
435	17004592	Lương Minh	Duy	20/12/2002	17T4-CNÔ4	
436	17001542	Nguyễn Hoàng	Duy	10/01/2002	17T4-CNÔ4	
437	17004142	Phạm Gia	Huy	19/10/1999	17T4-CNÔ4	
438	17002318	Nguyễn Thái An	Khang	25/09/2002	17T4-CNÔ4	
439	17004656	Thái Vỹ	Khang	08/03/2000	17T4-CNÔ4	
440	17002319	Nguyễn Duy	Phát	30/01/2002	17T4-CNÔ4	
441	17004425	Nguyễn Thế	Phong	06/03/2000	17T4-CNÔ4	
442	17002523	Nguyễn Minh	Sơn	21/5/1997	17T4-CNÔ4	
443	17004502	Nguyễn Minh	Thái	07/10/2002	17T4-CNÔ4	
444	17000058	Nguyễn Tiến	Thành	25/11/2002	17T4-CNÔ4	
445	17002529	Danh Hoàng	Thiện	26/9/1997	17T4-CNÔ4	
446	17003956	Nguyễn Hoàng Anh	Thiện	20/04/2002	17T4-CNÔ4	
447	17004050	Nguyễn Minh	Trí	06/05/2001	17T4-CNÔ4	
448	17002048	Trần	Tú	25/02/2002	17T4-CNÔ4	
Tổng cộng: 448 HS - SV						